TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUYÊN HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 03-4-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Toàn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đinh Xuân Phầu
2. Bà Trần Thị Phúc Tuệ

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Nga – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Ông Phan Quang Phú – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về việc ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐST-DS ngày 16/3/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Thu T - Sinh năm: 1986
Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện T, tỉnh Quảng Bình (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Bùi Đình T – Sinh năm: 1986
Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện T, tỉnh Quảng Bình (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Bình – Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T.

Người đại diện: Ông Thái Xuân L - Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T.

Địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình (có mặt).

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện T, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện: Ông Hoàng Đăng K – Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện T.

Địa chỉ: Tiểu khu 4, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình (có mặt).

- Ông Bùi Minh C - sinh năm: 1961

Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện T, tỉnh Quảng Bình (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/9/2017, bản tự khai ngày 26/10/2017 và tại phiên toà chị Ngô Thị Thu T trình bày: Chị và anh Bùi Đình T kết hôn vào ngày 24/7/2007 tại Uỷ ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 10 năm đến tháng 7 năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Bùi Đình T không quan tâm đến gia đình. Sự việc kéo dài. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn. Về con chung của vợ chồng: Vợ chồng có 02 con chung tên là Bùi Khánh L, sinh ngày 02/01/2008 và Bùi Quang H, sinh ngày 14/01/2013. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con và yêu cầu anh T góp phí tổn nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Về tài sản chung của vợ chồng: có một thửa đất tại thôn T, xã S có diện tích 1.000 m^2 và một xe ô tô 16 chỗ có giá trị 250.000.000 đồng. Về nợ chung của vợ chồng: Nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T 50.000.000 đồng, nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện T 250.000.000 đồng. Chị T yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/11/2017 và tại phiên toà anh Bùi Đình T trình bày: Anh và chị Ngô Thị Thu T kết hôn vào ngày 24/7/2007 tại Uỷ ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 10 năm đến tháng 6 năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị T ghen tuông thiếu tin tưởng lẫn nhau. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh nhất trí vì tình cảm vợ chồng đã không còn. Về con chung của vợ chồng: Vợ chồng có 02 con chung tên là Bùi Khánh L, sinh ngày 02/01/2008 và Bùi Quang H, sinh ngày 14/01/2013. Sau khi ly hôn anh T có nguyện vọng được nuôi cả hai con và yêu cầu chị T góp phí tổn nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Về tài sản chung của vợ chồng: có một thửa đất tại thôn T, xã S do ông nội là Bùi Minh C chuyển nhượng có diện tích 1.000 m^2 và một xe ô tô du lịch 16 chỗ có giá trị 250.000.000 đồng yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung của vợ chồng: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện T 250.000.000 đồng và nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T số tiền 50.000.000 đồng. Anh T yêu cầu Toà án giải quyết phân chia nợ.

Tại bản tự khai ngày 26/10/2017, cháu Bùi Khánh L trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ để đảm bảo việc học hành.

Toà án đã thụ lý vụ án và tiến hành giải quyết đã hoà giải nhiều lần. Tại biên bản hoà giải ngày 10/11/2017, về quan hệ hôn nhân chị T và anh T thuận tình ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn. Về con chung của vợ chồng và tài sản không thoả thuận được.

Tại bản tự khai ngày 20/12/2017, Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T do ông Thái Xuân L đại diện trình bày: Chị Ngô Thị Thu T có vay số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 11/11/2016; lãi suất 0,55%/tháng. Nay yêu cầu chị T có trách nhiệm trả nợ theo khế vay.

Tại bản tự khai ngày 20/12/2017, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện T trình bày: Chị Ngô Thị Thu T và anh Bùi Đình T vay số tiền 250.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số: 3378/2017/HĐTD ngày 31/3/2017, thời hạn trả nợ 5 năm, lãi suất 10%/năm; có thế chấp tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; nay yêu cầu anh T và chị T có trách nhiệm trả nợ theo hợp đồng vay.

Ngày 11/01/2018, chị T có đơn yêu cầu xem xét thẩm định và định giá tài sản đối với lô đất và chiếc xe ô tô du lịch 16 chỗ. Ngày 8/3/2018, Toà án đã thành lập Hội đồng thẩm định và định giá tài sản theo yêu cầu của chị T. Kết quả xem xét thẩm định thửa đất số 1015, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.000 m^2 trong đó có 100 m^2 đất ở và 900 m^2 đất trồng cây lâu năm. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Bùi Đình T và bà Ngô Thị Thu T. Kết quả thẩm định thực tế thửa đất có diện tích 945 m^2. Căn cứ Quyết định số: 36/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Bình, thửa đất có giá trị như sau: Đất ở 100 m^2 x 230.000đ = 23.000.000 đồng; đất trồng cây lâu năm: 845 m^2 x 20.000đ = 16.900.000 đồng. Tổng giá trị thửa đất là 39.900.000 đồng. Chiếc ô tô du lịch 16 chỗ Hội đồng định giá căn cứ Quyết định số: 23/2014/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của UBND tỉnh Quảng Bình đã định giá chiếc xe ô tô du lịch 16 chỗ hiệu Toyota Hiace 2005 đã sử dụng 12 năm có giá trị: 681.000.000đ – 545.072.400đ = 135.927.600đ.

Ngày 14/3/2018, ông Bùi Minh C trình bày: Ông cho con thửa đất nay vợ chồng ly hôn, ông yêu cầu không phân chia mà để lại cho hai cháu.

Sau khi có kết quả định giá, Toà án tiến hành hoà giải vào ngày 14/3/2018 nhưng không đạt kết quả. Chị Ngô Thị Thu T và anh Bùi Đình T thoả thuận giá chiếc xe ô tô du lịch 16 chỗ có giá trị là 200.000.000 đồng; cao hơn định giá.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Thu T kết hôn với anh Bùi Đình T tại Uỷ ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Quảng Bình vào ngày 24/7/2007. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn không hoà giải được và đã sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị T và anh T thuận tình ly hôn. Xét thấy qua các lần hoà giải và tại phiên toà, chị T và anh T thuận tình ly hôn là tự nguyện, vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung của vợ chồng: Vợ chồng có 02 con chung tên là Bùi Khánh L, sinh ngày 02/01/2008 và Bùi Quang H, sinh ngày 14/01/2013. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con. Anh T cũng có nguyện vọng nuôi cả hai con. Nguyện vọng của chị T và anh T đều chính đáng nhưng cháu Bùi Khánh L có nguyện vọng sau khi bố mẹ ly hôn được ở với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi của các con và phù hợp với điều kiện kinh tế của anh T và chị T cần giao cho mỗi người trực tiếp nuôi

một cháu là phù hợp. Cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Bùi Khánh L, sinh ngày 02/01/2008 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Bùi Quang H, sinh ngày 14/01/2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng.

[3] Về tài sản chung của vợ chồng:

- Đối với thửa đất số 1015, tờ bản đồ số 8 có diện tích 1000 m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Bùi Đình T và chị Ngô Thị Thu T nay đo đạc mới là thửa số 570, tờ bản đồ số 10, có diện tích 945 m^2; chị T yêu cầu phân chia đất ở và đất vườn là có cơ sở.

Cần áp dụng điều 59, khoản 2 Điều 62 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chia quyền sử dụng đất mỗi người một nửa thửa đất. Chị Ngô Thị Thu T được sử dụng 472,5 m^2 đất trong đó có 50 m^2 đất ở và 422,5 m^2 đất vườn có giá trị là 19.950.000 đồng và có nghĩa vụ trả nợ vay ngân hàng Chính sách xã hội huyện T số tiền 50.000.000 đồng theo khế vay ngày 11/11/2016. Anh Bùi Đình T được sử dụng 472,5 m^2 đất trong đó có 50 m^2 đất ở và 422,5 m^2 đất vườn có giá trị là 19.950.000 đồng có các cạnh theo trích lục thửa đất và được sở hữu chiếc xe ô tô du lịch 16 chỗ có giá trị 200.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản anh Bùi Đình T được hưởng là 219.950.000 đồng. Anh T phải có nghĩa vụ trả nợ vay ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện T số tiền là 250.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số: 3378/2017/HĐTD ngày 31/3/2017.

Đối với chi phí thẩm định và định giá, áp dụng khoản 3 Điều 157 và khoản 3 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chị Ngô Thị Thu T phải chịu 600.000 đồng. Chị T đã nộp đủ số tiền trên.

Tại phiên toà, đại diện ngân hàng Chính sách xã hội huyện T yêu cầu chị T và anh T thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay đúng pháp luật. Đại diện ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T yêu cầu anh Bùi Đình T thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng đúng quy định vì các giao dịch vay của chị T và anh T có mục đích là sử dụng chung.

Vì vậy, cần áp dụng Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình để phân chia nghĩa vụ trả nợ vay là phù hợp. Các tài sản thế chấp quyền sử dụng đất của anh Bùi Đình T và chị Ngô Thị Thu T đối với thửa đất số 570, tờ bản đồ số 10, diện tích 945 m^2 để đảm bảo cho khoản vay 250.000.000 đồng đang thực hiện, thời hạn vay là 5 năm.

[4] Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đã áp dụng đúng quy định của pháp luật và tại phiên toà Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chị Ngô Thị Thu T ly hôn anh Bùi Đình T. Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cháu Bùi Khánh L cho chị Ngô Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Bùi Quang H cho anh Bùi Đình T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Về tài sản chung: Áp dụng Điều 38, Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân và gia

đình năm 2014, Điều 15 Nghị định: 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 xử chia giá trị khối tài sản thành hai phần bằng nhau, mỗi người được một phần. Giao cho anh T sở hữu chiếc xe ô tô 16 chỗ hiệu Toyota Hiace 2005, giao cho chị Ngô Thị Thu T sở hữu thửa đất 954 m^2. Đồng thời anh T phải trả cho chị T số tiền chênh lệch về tài sản là 48.013.800 đồng. Về công nợ chung: Áp dụng Điều 17, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 280, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc chị Ngô Thị Thu T và anh Bùi Đình T phải có trách nhiệm cùng trả hết số nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T 50.000.000 đồng, lãi phát sinh từ ngày 11/9/2017 đến khi hoàn tất khoản vay và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T 250.000.000 đồng, lãi phát sinh từ ngày 31/3/2017 đến khi hoàn tất khoản vay. Như vậy, Chị T trả nợ Ngân hàng Chính sách xã hội T 25.000.000 đồng, ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện T 125.000.000 đồng và lãi phát sinh. Anh T trả nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T 25.000.000 đồng, ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện T 125.000.000 đồng và lãi phát sinh.

[5] Về án phí: Chị Ngô Thị Thu T và anh Bùi Đình T thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí phân chia tài sản.

Từ những căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị Thu T và anh Bùi Đình T.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử giao cháu Bùi Khánh L, sinh ngày 02/01/2008 cho chị Ngô Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; giao cháu Bùi Quang H, sinh ngày 14/01/2013 cho anh Bùi Đình T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được ngăn cản việc đi lại, chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích của con thì một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung của vợ chồng:

- Áp dụng Điều 37, Điều 59, khoản 2 Điều 62 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 100 luật Đất đai năm 2013 xử:

Giao cho chị Ngô Thị Thu T được sử dụng 472,5 m^2 đất trong thửa đất số 570, tờ bản đồ số 10, địa chỉ thửa đất ở thôn B, xã S trong đó có 50 m^2 đất ở và 422,5 m^2 đất trồng cây lâu năm có tứ cận và các cạnh như sau: Phía Bắc giáp đất anh Bùi Đình T từ điểm A đến B dài 50 m; phía Nam giáp đất ông Bùi Minh C từ điểm 2 đến điểm 3 dài 50 m; phía Đông giáp đất ông Bùi Minh C từ điểm 2 đến điểm B dài 10,17 m; phía Tây giáp Quốc lộ 12A từ điểm 3 đến điểm A dài 10 m; có

giá trị là 19.950.000 đồng và chị Ngô Thị Thu T có nghĩa vụ trả nợ ngân hàng Chính sách xã hội huyện T số tiền 50.000.000 đồng theo khế vay ngày 11/11/2016.

Giao cho anh Bùi Đình T được sử dụng 472,5 m^2 đất trong thửa đất số 570, tờ bản đồ số 10, địa chỉ thửa đất ở thôn B, xã S; trong đó có 50 m^2 đất ở và 422,5 m^2 đất trồng cây lâu năm. Thửa đất hình bình hành có tứ cận và các cạnh như sau: Phía Bắc giáp đường giao T từ điểm 1 đến điểm 4 dài 50 m; phía Nam giáp đất chị Ngô Thị Thu T từ điểm A đến điểm B dài 50 m; phía Đông giáp đất ông Bùi Minh C từ điểm 1 đến điểm B dài 10,17 m; phía Tây giáp đường Quốc lộ 12A từ điểm 4 đến điểm A dài 10 m. Thửa đất có giá trị là 19.950.000 đồng và anh Bùi Đình T được sở hữu chiếc xe ô tô du lịch 16 chỗ hiệu Toyota Hiace có giá trị 200.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản anh Bùi Đình T được hưởng là 219.950.000 đồng. Anh Bùi Đình T có nghĩa vụ trả nợ vay ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện T Bắc Quảng Bình số tiền là 250.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 3378/2017/HĐTD ngày 31/3/2017.

Chị Ngô Thị Thu T và anh Bùi Đình T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan chức năng để xác lập quyền sử dụng đất và tài sản.

Người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ngô Thị Thu T thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Chị Ngô Thị Thu T đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai số 0003520 ngày 10/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hoá nay được trả lại. Án phí phân chia tài sản và nghĩa vụ tài sản chung chị Ngô Thị Thu T và anh Bùi Đình T được miễn theo diện hộ nghèo.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuyên bố các bên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03/4/2018).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Tuyên Hoá;
- Chi cục THADS huyệnTuyên Hoá;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Minh Toàn